

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
LỊCH THI MÔN TRIẾT TẠI NÔNG LÂM KHÓA 2018.2

Ngày.....tháng.....năm 2018

STT	Ngày thi	Lớp	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	03/03/2019	Danh sách cụ thể cập nhật trên trang web: pgo.hcmuaf.edu.vn	8h	T201	
2	03/03/2019		8h	T202	
3	03/03/2019		8h	T203	

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



PGS.TS. Lê Anh Đức

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
LỊCH THI CÁC MÔN HỌC KHÓA 2018

Ngày.....tháng.....năm 2018

Lớp: **Quản lý đất đai**

STT	Ngày thi	Môn thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	02/03/2019	Quản lý dự án đầu tư	10h		
2	02/03/2019	Chính sách đất đai	14h		
3	03/03/2019	PP viết luận văn	10h		

Lớp: **Quản lý kinh tế**

STT	Ngày thi	Môn thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	02/03/2019	Kinh tế vi mô	8h		

Lớp: **Thú y**

STT	Ngày thi	Môn thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	02/03/2019	Vi sinh vật	8h		
2	02/03/2019	Thống kê sinh học	14h		
3	03/03/2019	Bệnh lý	14h		

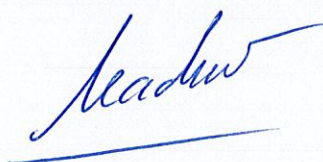
Lớp: **Thủy sản**

STT	Ngày thi	Môn thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	03/03/2019	Hệ thống nuôi thủy sản	14h		

Lớp: **Quản lý môi trường 2017**

STT	Ngày thi	Môn thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	02/03/2019	Xung đột và hòa giải xung đột môi trường	10h		

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



PGS.TS. Lê Anh Đức

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC**

Môn: **Triết học - 14PHIL6000**
Phòng thi: **T202**

Khóa: **2018 đợt 2 - TTR**
Học kỳ: **1**

STT	Họ	Tên	Chuyên ngành	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	CNSH	Nữ	06/01/1995	Đồng Tháp	
2	Phan Thu	Hà	CNSH	Nữ	18/12/1988	Tây Ninh	
3	Nguyễn Lê Trúc	Phương	CNSH	Nữ	26/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	
4	Nguyễn Thị Như	Phương	CNSH	Nữ	21/05/1987	Quảng Trị	
5	Nguyễn Như	Thế	CNSH	Nam	06/08/1995	Đồng Nai	
6	Trần Kim	Thoại	CNSH	Nữ	28/04/1995	Vĩnh Long	
7	Trần Nguyễn Duệ	Thư	CNSH	Nữ	17/02/1987	Đồng Tháp	
8	Nguyễn Phạm Hoài	Thương	CNSH	Nữ	12/05/1996	Tiền Giang	
9	Nguyễn Chính	Việt	CNSH	Nam	15/04/1987	Hà Tĩnh	
10	Dương Thị Ngọc	Dân	CNTP	Nữ	03/07/1986	Phú Yên	
11	Hồ Thị Hồng	Đào	CNTP	Nữ	15/04/1995	Tây Ninh	
12	Phạm Nhất	Hạnh	CNTP	Nữ	01/01/1987	Thừa Thiên -Huế	
13	Lương Huỳnh Diệu	Linh	CNTP	Nữ	30/10/1996	Bạc Liêu	
14	Võ Thị Thi	Mỹ	CNTP	Nữ	15/01/1993	Quảng Nam	
15	Đặng Thị	Nga	CNTP	Nữ	21/01/1991	Gia Lai	
16	Trịnh Ánh	Nguyệt	CNTP	Nữ	16/03/1988	Hà Nam	
17	Đỗ Tấn	Sang	CNTP	Nam	17/05/1994	Bình Dương	
18	Lý Minh	Đặng	LH	Nam	24/08/1995	Cà Mau	
19	Nguyễn Xuân	Nam	LH	Nam	11/06/1988	Bến Tre	
20	Hồ Khánh	Duy	NTTS	Nam	29/07/1995	Long An	
21	Cao Ngân	Giang	NTTS	Nam	05/08/1988	Tiền Giang	
22	Ngô Đăng	Lâm	NTTS	Nam	26/07/1980	Long An	
23	Đàng Công	Tập	NTTS	Nam	08/02/1989	Ninh Thuận	
24	Hoàng Minh	Thắng	NTTS	Nam	28/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	
25	Nguyễn Thị Kim	Thùy	NTTS	Nữ	09/10/1996	Đồng Tháp	
26	Nguyễn Minh	Trường	NTTS	Nam	24/01/1994	Đồng Nai	

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC**

Môn: **Triết học - 14PHIL6000**
Phòng thi: **T203**

Khóa: **2018 đợt 2 - TTR**
Học kỳ: **1**

STT	Họ	Tên	Chuyên ngành	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Lê Bảo	Châu	QLDD	Nam	02/01/1978	Long An	
2	Hoàng Danh	Đại	QLDD	Nam	10/11/1992	Nghệ An	
3	Trần Văn	Hà	QLDD	Nam	26/05/1974	Đồng Nai	
4	Mai Nhật	Hiếu	QLDD	Nữ	13/09/1986	Tây Ninh	
5	Trần Thị Kim	Huyền	QLDD	Nữ	25/08/1985	Bình Dương	
6	Tô Duy	Khánh	QLDD	Nam	10/10/1996	Đồng Tháp	
7	Điểu	Lai	QLDD	Nam	13/07/1984	Tây Ninh	
8	Nguyễn Tấn	Lập	QLDD	Nam	14/11/1986	Bình Dương	
9	Lê Ân Hoài	Nghĩa	QLDD	Nam	23/10/1992	TP. Hồ Chí Minh	
10	Bùi Bá	Thành	QLDD	Nam	//1988	Bình Dương	
11	Lê Thị	Thảo	QLDD	Nữ	15/02/1986	Thanh Hoá	
12	Đặng Hồng	Thảo	QLDD	Nữ	08/11/1987	Đồng Nai	
13	Bùi Phương	Anh	QLKT	Nữ	04/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	
14	Lê Nữ Lệ	Hằng	QLKT	Nữ	28/09/1982	Bình Định	
15	Phan Thanh	Hùng	QLKT	Nam	21/04/1978	Ninh Thuận	
16	Đặng Thị Bích	Ngọc	QLKT	Nữ	08/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	
17	Đinh Thảo	Nguyên	QLKT	Nữ	30/07/1991	Khánh Hoà	
18	Nguyễn Thị	Tâm	QLKT	Nữ	22/12/1981	Nghệ An	
19	Nguyễn Trần Minh	Thy	QLKT	Nữ	21/11/1996	Đồng Nai	
20	Trần Thị Thanh	Trúc	QLKT	Nữ	20/01/1984	TP. Hồ Chí Minh	
21	Trần Tiến	Dũng	QLTNMT	Nam	20/01/1990	Đồng Nai	
22	Hồ Vĩnh	Kim	QLTNMT	Nam	07/10/1995	Trà Vinh	
23	Trần Nam	Khoa	QLTNMT	Nam	08/01/1984	Hải Phòng	
24	Huỳnh Thị Thu	Nga	QLTNMT	Nữ	31/12/1995	Long An	
25	Đặng Thị Thúy	Ngân	QLTNMT	Nữ	01/04/1992	Long An	
26	Phạm Tường	Quân	QLTNMT	Nam	12/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	
27	Bùi Thị Diệu	Quỳnh	QLTNMT	Nữ	23/07/1996	Gia Lai	
28	Quách Trường	Thịnh	QLTNMT	Nam	05/12/1993	Sóc Trăng	
29	Dương Quỳnh Yến	Thy	QLTNMT	Nữ	04/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	
30	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	TY	Nữ	18/06/1986	Kiên Giang	
31	Phạm Thị	Huê	TY	Nữ	13/10/1994	Nam Định	
32	Lê Minh	Ngọc	TY	Nam	06/07/1990	Long An	
33	Võ Thị Kiều	Oanh	TY	Nữ	20/05/1979	Long An	
34	Tô Thị Hồng	Phượng	TY	Nữ	09/02/1991	Ninh Thuận	
35	BOUTTA	Somchanh	TY	Nam	17/03/1982	TP. Hồ Chí Minh	
36	Nguyễn Văn	Thuận	TY	Nam	20/06/1992	Bình Thuận	

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC**

Môn: Triết học - 14PHIL6000

Phòng thi: T204

Khóa: 2018 đợt 2 - TTR

Học kỳ: 1

STT	Họ	Tên	Chuyên ngành	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	Phạm Huỳnh Đông	Anh	BVTV	Nam	01/01/1996	Tây Ninh	
2	Lâm Hồng	Chương	BVTV	Nam	05/01/1977	Tây Ninh	
3	Trần Khánh	Duy	BVTV	Nam	28/12/1995	Long An	
4	Lê Đình	Hải	BVTV	Nam	20/02/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	
5	Trần Văn	Son	BVTV	Nam	10/08/1993	Hà Tĩnh	
6	Nguyễn Thị	Tân	BVTV	Nữ	27/05/1981	Thái Bình	
7	Vũ Thị Thanh	Tuyền	BVTV	Nữ	12/02/1994	Kiên Giang	
8	Nguyễn Quốc	Thanh	BVTV	Nam	25/07/1992	Đồng Tháp	
9	Nguyễn Thị Minh	Thi	BVTV	Nữ	02/07/1995	Tiền Giang	
10	Nguyễn Thị Hồng Hon	Da	KHCT	Nữ	16/12/1989	Phú Yên	
11	Đỗ Thị Hồng	Diệp	KHCT	Nữ	28/04/1981	Nam Định	
12	Nguyễn Công	Đức	KHCT	Nam	18/09/1980	Bến Tre	
13	Phạm Hồng	Gấm	KHCT	Nữ	14/07/1994	An Giang	
14	Hoàng Văn	Hải	KHCT	Nam	20/05/1985	Thanh Hoá	
15	Phan Thị Mỹ	Hạnh	KHCT	Nữ	20/09/1990	Phú Yên	
16	Trần Thị Bảo	Hòa	KHCT	Nữ	01/10/1990	Quảng Trị	
17	Võ Tú	Hòa	KHCT	Nam	12/10/1995	Đắk Lắk	
18	Lê Hoàng	Lâm	KHCT	Nam	18/12/1987	Bình Dương	
19	Bạch Văn	Long	KHCT	Nam	18/08/1981	Hà Nội	
20	Nguyễn Hoàng	Minh	KHCT	Nam	20/09/1992	Vĩnh Long	
21	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	KHCT	Nữ	17/06/1987	Bến Tre	
22	Nguyễn Thị	Son	KHCT	Nữ	10/10/1986	Phú Yên	
23	Huỳnh Thành	Tiến	KHCT	Nam	12/07/1992	Kiên Giang	
24	Hoàng Thị Ngọc	Tú	KHCT	Nữ	03/01/1985	Đồng Nai	
25	Trần Văn	Tuấn	KHCT	Nam	25/05/1993	Thái Bình	
26	Nguyễn Hữu	Thành	KHCT	Nam	28/10/1995	An Giang	
27	Nguyễn Kim	Thủy	KHCT	Nữ	29/09/1995	Tiền Giang	
28	Lê Hoàng	Thường	KHCT	Nam	13/01/1991	Lâm Đồng	
29	Trần Thị Thiên	Trang	KHCT	Nữ	17/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	
30	Nguyễn Đoàn Hữu	Trí	KHCT	Nam	12/07/1995	Tiền Giang	